

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2019

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HÒN Đ TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Võ Thanh Bình;

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án N dân huyện Hòn Đất.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Châu Thế N**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Kinh 4, xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

2. *Bị đơn:* Chị **Cao Thúy Y**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Thuận Hòa, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Châu Thế N trình bày: Năm 2011, anh và chị Cao Thúy Y tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận cho tổ chức đám cưới và anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G ngày 28/02/2011. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Châu Như Ý, sinh ngày 13/12/2011. Tuy nhiên thời gian về sau, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Từ tháng 3/2013, chị Y bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp Thuận H, xã Bình S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G sinh sống cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh N không còn yêu thương chị Y nữa nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Y.

Về con, từ nhỏ cháu Ý sống với anh nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác nhận quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Cao Thúy Y đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thúy Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Y vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn N: Anh N và chị Y chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 28/02/2011, đó đó hôn N giữa anh N và chị Y là hôn N hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn N và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu anh N và chị Y chung sống với nhau hạnh phúc và có một con chung là cháu Châu Như Ý, sinh ngày 13/12/2011, nhưng kể từ năm 2013 tình cảm vợ chồng đã bắt đầu rạn nứt, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 3 năm 2013 chị Y bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp Thuận Hòa, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay. Điều này cho thấy giữa anh chị thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, mặc dù anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy giữa anh chị không còn đời sống chung, cuộc sống hôn N không hạnh phúc, anh N không còn tình cảm vợ chồng với chị Y, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho anh N ly hôn với chị Y theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn N và Gia đình.

[4] Về con chung: Từ khi chị Y bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cháu Châu Như Ý chung sống với anh N và ở bên nhà ông bà nội cùng anh N, nay cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha, nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu, cần giao cháu Châu Như Ý cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn Nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N sống bằng nghề nông (trồng lúa), có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con nên anh không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác nhận quá trình chung sống vợ chồng, giữa anh chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh N yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh N phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn Nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn N: Cho anh Châu Thế N ly hôn với chị Cao Thúy Y.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Châu Như Ý, sinh ngày 23/12/2011 cho anh Châu Thế N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ý thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Y được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Châu Thế N không yêu cầu chị Cao Thúy Y phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Châu Thế N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Anh Châu Thế N phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh N đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009265 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Châu Thế N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Cao Thúy Y vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Bình G;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình

Phạm Hồng Gái

Nguyễn Thị Tuyết Mai